**TOÁN**

**TUẦN 13**

**BÀI 35: CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ THẬP PHÂN**

**(2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính chia một số thập phân cho một số thập phân.

**-** Vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia một số thập phân cho một số thập phân.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III**. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH |
| A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG  a. Mục tiêu: *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.*  b. Cách thức tiến hành: | |
| - Khởi động qua trò chơi “Thử tài trí nhớ”  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài: *“Sau đây, chúng ta cùng luyện tập thực hành chia một số thập phân cho một số thập phân”.* | - Nêu cách thực hiện “***Chia một số thập phân cho một số thập phân****”.*  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. |
| B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP  a. Mục tiêu: *Thực hiện phép chia một số thập phân cho một số thập phân.*  b. Cách thức tiến hành | |
| *Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2*  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - GV cho HS làm bài vào vở cá nhân, đổi chéo vở kiểm tra, nói cho nhau cách làm.  - GV mời 1 – 3 HS lên bảng trình bày bài.  - GV tổng kết, chốt đáp án.  *Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3*  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì và trình bày bài giải vào vở ghi.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | **Bài 2**  - HS đọc đề, nêu yêu cầu:  *Thực hiện phép chia rồi kiểm tra lại kết quả bằng phép nhân:*  *3,6 : 1,8 12,5 : 2,5 16,8 : 5,6 1,11 : 0,3 3,25 : 6,5 8,04 : 6,7*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu: làm bài vào vở cá nhân, đổi chéo vở kiểm tra, nói cho nhau cách làm.  - 1 – 3 HS lên bảng trình bày bài làm.  - Kết quả:   |  |  | | --- | --- | |  | *Thử lại:*  *2 1,8 = 3,6* | |  | *Thử lại:*  *5 2,5 = 12,5* | |  | *Thử lại:*  *3 5,6 = 16,8* | |  | *Thử lại:*  *3,7 0,3 = 1,11* | |  | *Thử lại:*  *0,5 6,5 = 3,25* | |  | *Thử lại:*  *1,2 6,7 = 8,04* |   **Bài 3**  - HS đọc yêu cầu, nêu yêu cầu của bài toán: ***Nền nhà một căn phòng có dạng hình chữ nhật với diện tích là 17,76 m2, chiều dài là 4,8 m. Tính chiều rộng nền nhà đó.***  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở/1HS trình bày bài giải vào bảng phụ.  - HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Chiều rộng nền nhà đó là:*  *17,76 : 4,8 = 3,7 (m)*  *Đáp số: 3,7 m*  - HS kiểm tra, chữa bài |
| D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM  a. Mục tiêu: *Vận dụng giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến phép chia một số thập phân cho một số tự nhiên.*  b. Cách thức tiến hành | |
| *Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT4*  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì,  trao đổi cách làm và trình bày vào vở ghi.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | **Bài 4**  - HS đọc yêu cầu, nêu yêu cầu của bài toán: ***Mỗi bước đi của An dài khoảng 0,3 m. Hỏi để di chuyển được đoạn đường dài 6,6 m thì An phải bước đi khoảng bao nhiêu bước?***  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở/1HS trình bày bài giải vào bảng phụ.  - HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Số bước mà An phải bước để di chuyển đoạn đường dài 6,6 m là:*  *6,6 : 0,3 = 22 (bước)*  *Đáp số: 22 bước* |
| \* CỦNG CỐ, DẶN DÒ |  |
| \* CỦNG CỐ  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  \* DẶN DÒ  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 36 – *Luyện tập* | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Điều chỉnh HĐ Khởi động: Tổ chức trò chơi “MÓN QUÀ GIÁNG SINH”**

|  |
| --- |
| ***NỘI DUNG CÂU HỎI TRÒ CHƠI***  *a) Kết quả của phép tính sau là: 34,3 : 9,8 = ?*  *0,35 B. 3,5 C. 1,43 D. 10,1*  *b) Thực hiện phép tính: 132,36 : 1,2*  *A. 110,3*  *B. 101,3 C. 11,03*   *D. 10,13*  *c) Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 14,5 : 0,5 ….. 14,5 2*  *A. >*  *B. =* *C. <*  *D. Khác.*  *d) Có 2,25 l nước cam ép được chứa vào các cốc như nhau, mỗi cốc có 0,25 l. Hỏi có tất cả bao nhiêu cốc nước cam ép?*  *A. 6 cốc*  *B. 7 cốc* *C. 8 cốc*   *D. 9 cốc*  *e) Nhà bác Huệ trồng lúa trên thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích 167,7m2. Chiều rộng thửa ruộng là 8,6m. Chiều dài là:*  *A. 19,5 B. 15,9 C. 15,2 D. 19,2* |
| ***Đáp án trò chơi:***  *a) Ta có: 34,3 : 9,8 = 3,5 🡪 C****họn C.*** *b) 132,36 : 1,2 = 110,3 🡪* ***Chọn A.***  *c) Ta có: 14,5 : 0,5 = 29 ; 14,5 2 = 29 ; Vậy 14,5 : 0,5 = 14,5 2 🡪* ***Chọn B.***  *d) Có số cốc nước cam ép là: 2,25 : 0,25 = 9 cốc 🡪* ***Chọn D.***  *e) Chiều dài thửa ruộng là: 167,7 : 8,6 = 19,5 m 🡪* ***Chọn A.*** |

**BÀI 36: LUYỆN TẬP (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố một số kĩ năng liên quan đến phép chia số thập phân đã học, tính nhẩm, tính giá trị của biểu thức.

- Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính chia một số thập phân cho một số thập phân, trong đó có kĩ năng chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001;...

- Vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia một số thập phân cho một số thập phân.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:** | |
| - Tổ chức cho HS khởi động bằng trò chơi “Truyền điện”  - GV đặt câu hỏi: Trò chơi giúp các em củng cố kiến thức gì?  - GV nhận xét HĐ, giới thiệu bài.  GV giới thiệu bài: *“Trong tiết học này, chúng ta sẽ ôn tập lại các kiến thức về phép chia số thập phân và vận dụng giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn “****Bài 36: Luyện tập****”.* | **Chọn cử Quản trò**  **Tham gia trò chơi dưới sự điều khiển của quản trò:**  - Quản trò nêu một phép chia một số thập phân cho 10; 100; 1000;... một phép nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0.001;... rồi đố bạn thực hiện, chẳng hạn 123,45 : 10.  - Người trả lời đúng tiếp tục nêu phép tính truyền cho người khác.  - HS trả lời: Trò chơi “Truyền điện" củng cố kĩ năng chia nhẩm một số thập phân cho 10; 100; 1000;... nhân nhẩm một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001;... |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:** *Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính chia một số thập phân cho một số thập phân, trong đó có kĩ năng chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001;...* | |
| ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  \* Mục tiêu: Giúp HS cùng cố cách thực hiện phép chia một số thập phân cho một số thập phân.  - Nhiệm vụ: HS nêu yêu cầu và nêu các bước thực hiện phép chia.  - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở ghi. | **Bài 1. Đặt tính rồi tính**  - HS thực hiện các thao tác:  + Đặt tính chia.  + Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.  + Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia cho số tự nhiên.  - HS tự làm bài rồi đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - Kết quả:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Ý a) b)*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện phép tính và rút ra nhận xét:  *+ Tính: 5,7 : 0,1*  *+ So sánh thừa số bị chia và thương, xét vị trí của dấu phẩy rồi rút ra nhận xét.*  ***\* Tính: 18,75 : 0,01***  *+ So sánh thừa số bị chia và thương, xét vị trí của dấu phẩy rồi rút ra nhận xét.*  ***\* Tương tự với 3,21 : 0,1 và 15,38 : 0,01***  *.*- Đại diện từng nhóm nêu cách làm. GV nhận xét, đánh giá.  b) Thảo luận về nhận xét trong SGK.  - ***Nhận xét: Khi chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba,... chữ số.***  - Yêu cầu HS lấy VD minh họa.  - GV nhận xét, đánh giá.  c)Tính nhẩm:   |  |  | | --- | --- | | 14,23 : 0,1 | 20,251 : 0,001 | | 0,26 : 0,01 | 4,125 : 0,001 |   - GV tạo cơ hội cho HS được chia sé ý kiến cá nhân, lập luận chỉ ra chứng cứ, lí lẽ để mọi người hiểu ý kiến cua mình: tạo cơ hội cho HS tương tác tích cực.  - GV mời HS đứng tại chỗ chia sẻ bài làm.  **-** GV tổng kết, chốt đáp án. | **Bài 2.**  **A screenshot of a phone  Description automatically generated**  - HS thực hiện theo nhóm đôi:  a) Xét phép tính 5,7 : 0,1 HS thực hiện phép chia được kết quả 5,7 : 0,1 = 57.  - HS so sánh số bị chia và thương rồi rút ra nhận xét: Nếu chuyển dấu phẩy của số 5,7 sang phải 1 chữ số ta được thương là 57.  - Tương tự, HS nhận biết 18,75 : 0,01 = 1875 rút ra nhận xét: Nếu chuyển dấu phẩy của số 18,75 sang phải 2 chữ số ta được tích 1875.  ***\* 18,75 : 0,01 = 1 875***  *+ Nếu chuyển dấu phẩy của số 18,75 sang phải hai chữ số ta được thương là 1 875.*  **\* *3,21 : 0,1 = 32,1***  *+ Nếu chuyển dấu phẩy của số 3,21 sang phải một chữ số ta được thương là 32,1.*  ***\* 15,38 : 0,01 = 1 538***  *+ Nếu chuyển dấu phẩy của số 15,38 sang phải hai chữ số ta được thương là 1 538.*  - Đại diện nhóm nêu cách làm.  b) HS nêu nhận xét trong SGK.  - ***Nhận xét: Khi chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba,... chữ số.***  - HS *thảo luận về nhận xét: Nhận xét trên là nhận xét đúng*  *- HS lấy ví dụ minh họa: 9,8 : 0,01 = 980*  - HS vận dụng quy tắc vừa học để làm bài tập và nói cho bạn nghe cách làm.  - HS tự làm bài rồi đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - HS chia sẻ cách làm và kết quả.  *c) 14,23 : 0,1 = 142,3*  *0,26 : 0,01 = 26*  *20,251 : 0,001 = 20 251*  *4,125 : 0,001 = 4 125* |
| ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, quan sát mẫu ở câu a), cho biết số bị chia là loại số gì? Thảo luận cách thực hiện.  **GV giới thiệu cách chia một số tự nhiên cho một số thập phân:**  *+ Đặt tính chia.*  *+ Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì viết thêm vào bên phải số bị chia bấy nhiêu chữ số 0.*  *+ Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.*  - GV nhấn mạnh các thao tác cơ bản HS cần thành thạo: Thêm chữ số 0 vào bên phải số bị chia và xử lí dấu phẩy để đưa về phép chia hai số tự nhiên.  b) Yêu cầu HS quan sát rồi thực hiện các phép tính.    *49,5 : 0,45 ; 12,6 : 0,28 ; 2,6 : 0,13*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, quan sát mẫu và cho biết các thao tác cần làm.  - GV nhấn mạnh: *Các thao tác cơ bản HS cần thành thạo: Chuyển dấu phẩy thêm chữ số 0 vào bên phải số bị chia và bỏ dấu phẩy ở số chia để chuyển về hai số tự nhiên.*  - Đại diện từng nhóm nêu cách làm.  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV tạo cơ hội cho HS được chia sẻ ý kiến cá nhân, biết lập luận chỉ ra chứng cứ lí lẽ để mọi người hiểu ý kiến của mình; tạo cơ hội cho HS tương tác tích cực. | **Bài 3: Tính (theo mẫu)**  *a) Tính (theo mẫu):*  *Mẫu: 2 : 0,5*    *15 : 7,5 33 : 0,3 8 : 0,02*  a) HS quan sát mẫu rồi thực hiện các phép tính của phần a).  - HS thảo luận, trả lời:  *Số tự nhiên.*  - HS thực hiện các thao tác chủ yếu sau:  + Đặt tính chia.  + Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì viết thêm vào bên phải số bị chia bấy nhiêu chữ số 0.  + Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.  - Kết quả: *a)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   *b)*  *49,5 : 0,45 ; 12,6 : 0,28 ; 2,6 : 0,13*  HS quan sát rồi thực hiện các phép tính.  - HS thảo luận, trả lời: Thực hiện các thao tác chủ yếu sau:  *+ Đặt tính chia.*  *+ Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì chuyển dấu phẩy của số chia và số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.*  *+ Thực hiện phép chia như chia các STN*  - Kết quả:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *b)* |  |  | |
| **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ** | |
| **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Về nhà, em luyện tập thêm và chuẩn bị cho tiết học sau. | - HS lắng nghe và nhắc lại. |

**BÀI 36: LUYỆN TẬP (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố một số kĩ năng liên quan đến phép chia số thập phân đã học, tính nhẩm, tính giá trị của biểu thức.

- Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính chia một số thập phân cho một số thập phân, trong đó có kĩ năng chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001;...

- Vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia một số thập phân cho một số thập phân.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:** | |
| - GV tổ chức cho HS chơi **“Đố bạn”.**  + GV: *“Đố bạn! Đố bạn!”*  + GV: *“Chia nhẩm một số thập phân với 10; 100; 1 000, ta làm như thế nào?”*  + GV: *“Kết quả của phép tính 1,2 : 0,1 bằng bao nhiêu?”*  *….*  - GV nhận xét, tuyên dương HS.- GV nhận xét HĐ, giới thiệu bài. | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  ***+ HS:*** *“Đố gì? Đố gì?”*  ***+ HS:*** *“chuyển dấu phẩy sang trái 1; 2; 3; ... chữ số”*  ***+ HS:*** *“12”*  *...*  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:**  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính chia một số thập phân cho một số thập phân, trong đó có kĩ năng chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001;... | |
| ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:  a) 6,144 : 12 + 1,64  b) 1,6 1,1 + 1,8 : 4  c) 9,24 – (2,49 + 4,92)  d) 4,8 – 0,42 8,5  **-** Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính.  - GV yêu cầu HS thực hiện tính GTBT, đổi chéo vở, nói cho nhau nghe cách làm.  - GV mời một số HS lên bảng trình bày bài giải.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - GV kết luận và nhận xét. | **Bài 4. Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:**  **A group of blue circles with black letters  Description automatically generated**  - Đọc yêu cầu đề bài.  - HS trả lời:  + *Thực hiện phép tính từ trái qua phải.*  + *Thực hiện nhân, chia trước, cộng trừ sau.*  *+ Thực hiện trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a) 6,144 : 12 + 1,64***  *= 0,512 + 1,64 = 2,152*  ***b) 1,6 1,1 + 1,8 : 4***  *= 1,76 + 0,45*  *= 2,21*  ***c) 9,24 – (2,49 + 4,92)***  *= 9,24 – 7,41*  *= 1,83*  ***d) 4,8 – 0,42 8,5***  *= 4,8 – 3,57*  *= 1,23*  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe. |
| ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  **A screenshot of a video game  Description automatically generated**  **-** Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi.  - GV mời một số HS trình bày bài giải.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi (nếu có) cho HS. | **Bài 5:**  *a) Có hai túi cà phê, túi thứ nhất cân nặng 1,5 kg, túi thứ hai cân nặng 0,9 kg. Hỏi:*  *- Túi thứ nhất nặng hơn túi thứ hai bao nhiêu ki-lô-gam?*  *- Phải chuyển từ túi thứ nhất sang túi thứ hai bao nhiêu ki-lô-gam cà phê để hai túi có cân nặng như nhau?*  *b) Chị Huế muốn đựng 2,6 kg bột đậu xanh vào các lọ thủy tính. Có hai loại lọ như hình bên. Theo em, nếu chỉ chọn lọ loại 0,65 kg thì cần ít nhất mất lọ? Nếu chỉ chọn lọ loại 0,4 kg thì cần ít nhất mấy lọ?*    - HS thảo luận theo nhóm đôi, nói cho nhau nghe bài toán cho gì, bài toán hỏi gì và lựa chọn phép tính phù hợp.  - HS trình bài bài vào vở cá nhân.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a)*  *Bài giải*  *Túi thứ nhất cân nặng hơn túi thứ hai là:*  *1,5 – 0,9 = 0,6 (kg)*  *Trung bình cân nặng của hai túi cà phê là:*  *(1,5 + 0,9) : 2 = 1,2 (kg)*  *Vậy, phải chuyển từ túi thứ nhất sang túi thứ hai số ki-lô-gam cà phê để hai túi có cân nặng như nhau là:*  *1,5 – 1,2 = 0,3 (kg)*  *b)*  *Có 2,6 : 0,65 = 4. Nên nếu chọn lọ loại 0,65 kg thì cần 4 lọ.*  *Có 2,6 : 0,4 = 6,5. Nên nếu chọn lọ loại 0,4 kg thì cần ít nhất 7 lọ.*  - HS kiểm tra lại bài giải (phép tính, câu trả lời). |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **\* Mục tiêu:** *Vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia một số thập phân cho một số thập phân.* | |
| ***Nhiệm vụ 6: Hoàn thành BT6***  - Yêu cầu HS đọc tình huống nêu trong bài.    *-*  GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách nghĩ của các em. Tổ chức thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả/Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | HS đọc tình huống nêu trong bài:  *Quan sát bảng giá cước vận chuyển bưu phẩm từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh:*  *Em hãy giúp cô nhân viên bưu điện tính tiền cho hai khách hàng gửi bưu phẩm từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh.*  *Biết rằng người thứ nhất gửi gói bưu phẩm cân nặng 0,6 kg và người thứ hai gửi gói bưu phẩm cân nặng 0,25 kg.*  - HS đọc tình huống nêu trong bài, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hói gì; suy nghĩ tìm câu trả lời cho bài toán và trình bày bài làm.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Đổi: 0,6 kg = 600g. Người thứ nhất phải trả số tiền là 15 000 đồng.*  *Đổi 0,25 kg = 250g. Người thứ hai phải trả số tiền là 7 500 đồng.* |
| **CỦNG CỐ, DẶN DÒ** | |
| **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến các phép tính với STP đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó. Các con có thể chia sẻ với các bạn ở buổi sau.  - Ôn tập kiến thức đã học*,* hoàn thành bài tập trong VBT, đọc và chuẩn bị trước **Bài 37 – *Luyện tập chung*** | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Điều chỉnh HĐ Khởi động: Tổ chức trò chơi “Thử tài siêu nhí”**

|  |
| --- |
| ***NỘI DUNG CÂU HỎI TRÒ CHƠI***  **Thử thách 1.** *Kết quả của phép tính 1685 : 12,5 là:*  *13,48 B. 134,8 C. 1,348 D. 1348*  **Thử thách 2.** *Thương của phép chia 541,5 : 3,8 là:*  *A. 142,5 B. 1,425 C. 14,25 D. 1425*  **Thử thách 3.** *Giá trị của biểu thức: (152,8 – 94,7) : 11,62*  *A. 4,5 B. 6 C. 6,4 D. 5*  **Thử thách 4.** *Biết 6,5 l dầu hỏa cân nặng 4,94 kg. Hỏi 7 l dầu hỏa cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?*  *A. 5,23 kg B. 0,76 kg C. 5,32 kg D. 0,53 kg*  **Thử thách 5.** *Chia 16,2 kg kẹo vào các hộp, mỗi hộp có 0,45 kg kẹo. Số hộp kẹo được chia là:*  *A. 360 B. 307 C. 36 D. 3,6* |
| ***Đáp án trò chơi:***  **Thử thách 1.**  *Ta có: 1685 : 12,5 = 134,8 🡪 C****họn B.***  **Thử thách 2.** *541,5 : 3,8 = 142,5 🡪 C****họn A.***  **Thử thách 3.** *(152,8 – 94,7) : 11,62*  *= 58,1 : 11,62 = 5*  ***🡪 Chọn D.***  **Thử thách 4.** *1 l dầu hỏa cân nặng: 4,94 : 6,5 = 0,76kg*  *7 l dầu hỏa cân nặng: 0,76 7 = 5,32 kg*  ***🡪 Chọn C.***  **Thử thách 5.** *Số hộp kẹo là: 16,2 : 0,45 = 36*  ***🡪 Chọn C.*** |

**BÀI 37: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện được các phép tính với các số thập phân. Vận dụng được tính chất của các phép tính với số thập phân và quan hệ giữa các phép tính đó trong thực hành tính toán.

- Vận dụng giải quyết vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính với các số thập phân.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, Năng lực mô hình hóa, Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học. | |
| **b. Cách thức tiến hành:**  **-** GV chuẩn bị các phép tính, để vào một chiếc hộp bí mật. 5HS bốc ngẫu nhiễn các phép tính trong hộp rồi đặt tính lên bảng.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu bài: *“Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập lại các kiến thức đã học về phép tính với số thập phân và vận dụng để giải quyết một số vấn đề thực tế. “****Bài 37: Luyện tập chung****”.* | - 5 HS bốc ngẫu nhiễn các phép tính trong hộp rồi đặt tính lên bảng.  - HS nhận xét.  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:** *Thực hiện được các phép tính với các số thập phân. Vận dụng được tính chất của các phép tính với số thập phân và quan hệ giữa các phép tính đó trong thực hành tính toán.* | |
| **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  - Yêu cầu học sinh nêu lại yêu cầu của bài toán.  **a)**  - Yêu cầu HS hoàn thành bảng, tính rồi nêu KQ.  - GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân sau đó đổi vở kiểm tra chéo bài làm của bạn.  **b)**  - GV yêu cầu HS tự lấy ví dụ minh hoạ cho từng tính chất.  - GV mời HS nêu nhận xét.  - Tổ chức chấm chữa bài.  - Nhận xét và kết luận.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  **Câu a**  - GV cho HS thảo luận với bạn cùng bàn, hoàn thành bảng.  **Câu b**  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cho bạn nghe nhận xét khi quan sát các cột giá trị của  *(a + b) + c* và *a + (b + c);*  *(a b) c* và *a (b c).*  **Câu c**  - Yêu cầu HS đọc và nói cho bạn nghe tính chất kết hợp của phép cộng và phép nhân các số thập phân.  **Câu d.** Tính bằng cách thuận tiện  - Nêu yêu cầu của bài toán: tính thuận tiện khác gì với tính bình thường.  - Làm việc theo nhóm đôi trong thời gian 4 phút.  - Các nhóm chia sẻ cách làm và kết quả.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - Mở rộng: *GV gợi ý để HS nêu nhận xét về các tính chất của phép tính với số thập phân.* | **Bài 1.**  ***a) Tính rồi so sánh giá trị của a + b và b + a; a b và b a:***    ***b) Đọc các nhận xét sau:***   * *Phép cộng các số thập phân có tính chất giao hoán:*   *a + b = b + a*   * *Phép nhân các số thập phân có tính chất giao hoán:*   *a b = b a*  ***c) Không cần tính, hãy nêu kết quả ở ô ?***  *4,15 + 3,23 = 7,38*  *3,23 + 4,15 = ?*  *0,04 16 = 0,64*  *16 0,04 = ?*  **a)** HS hoàn thành bảng, tính rồi nêu KQ.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cho bạn nghe nhận xét khi quan sát các cột giá trị *a + b* và *b + a; a b* và *b a*.  **b)**  - HS tự lấy ví dụ minh hoạ cho từng tính chất.  - Học sinh sử dụng tính chất giao hoán để nêu kết quả ở ô tương ứng.  - Nhận xét các phép tính với số thập phân cũng có các tính chất giống với các phép tính với số tự nhiên.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a)*    *Nhận xét: a + b = b + a*  *a b = b a*  *b) HS đọc, và nói cho bạn nghe.*  *Ví dụ: 3,75 + 2,5 = 2,5 + 3,75*  *0,5 3,5 = 3,5 0,5*  *c) 3,23 + 4,15 = 7,38*  *16 0,04 = 0,64*  - HS nhắc lại các tính chất.  **Bài 2.**  *a) Tính:*    *b) Thực hiện các yêu cầu sau:*  *- So sánh giá trị của (a + b) + c và a + (b + c) ở câu a rồi nêu nhận xét.*  *- So sánh giá trị của (a b) c và a (b c) ở câu a rồi nêu nhận xét.*  *c) Đọc các nhận xét sau:*   * *Phép cộng các số thập phân có tính chất kết hợp:*   *(a + b) + c = a + (b + c)*   * *Phép nhân các số thập phân có tính chất kết hợp:*   *(a b) c = a (b c)*  *d) Tính bằng cách thuận tiện:*  *27,4 + 7,38 + 2,6*  *6,71 + 9,7 + 3,29 + 2,3*  *2,5 9,6 4*  *2 3,8 0,5*  A group of stars with smiling faces  Description automatically generated  - HS thực hiện các phép tính.  - Nêu nhận xét về kết quả của các phép tính.  - HS làm việc theo nhóm đôi trong thời gian 4 phút.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chia sẻ cách làm.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a)*    *b)* **(a + b) + c = a + (b + c)**  **Nhận xét:** *Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.*  *(a b) c = a (b c)*  **Nhận xét***: Khi nhân một tích hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.*  *c) HS đọc*  *d)* **27,4 + 7,38 + 2,6**  *= (27,4 + 2,6) + 7,38*  *= 30 + 7,38 = 37,38*  **6,71 + 9,7 + 3,29 + 2,3**  *= (6,71 + 3,29) + (9,7 + 2,3)*  *= 10 + 12 = 22*  **2,5 9,6 4**  *= (2,5 4) 9,6*  *= 10 9,6 = 96*  **2 3,8 0,5**  *= (2 0,5) 3,8*  *= 1 3,8 = 3,8*  - HS chia sẻ:  **Nhận xét***: Các phép tính với số thập phân cũng có các tính chất giống với các phép tính với số tự nhiên.* |
| ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  - Nêu yêu cầu bài toán.  - GV cho HS tính nhẩm cá nhân rồi thảo luận làm việc nhóm đôi trong thời gian 3 phút.  - GV mời đại diện các nhóm đứng tại chỗ trình bày.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - Mở rộng: *GV cho HS quan sát các phép tính và rút ra nhận xét.*  - GV gọi HS nêu nhận xét.  *+ Một số thập phân cộng với 0 thì vẫn bằng chính số đó.*  *+ Một số thập phân trừ đi 0 thì vẫn bằng chính số đó.*  *+ Một số thập phân nhân với 0 thì bằng 0.*  *+ Một số thập phân nhân hoặc chia với 1 thì bằng chính số đó.* | **Bài 3. Tính nhẩm**    - HS làm việc nhóm trong thời gian 3 phút.  - HS chia sẻ kết quả của nhóm mình.  - HS nêu nhận xét sau khi thực hiện các phép tính.  - Kết quả:  *9,56 + 0 = 9,56 ; 0 + 7,03 = 7,03*  *0,42 1 = 0,42; 1 6,5 = 6,5*  *0,56 0 = 0; 0 8,4 = 0*  - HS chia sẻ suy nghĩ:  + *Một số thập phân cộng với 0 thì bằng chính số đó.*  *+ Một số thập phân trừ đi 0 vẫn bằng chính số đó.*  *+ Một số thập phân nhân hoặc chia với 1 thì bằng chính số đó.*  *+ Một số thập phân nhân với 0 thì bằng 0.*  - HS nhắc lại. |
| **CỦNG CỐ, DẶN DÒ** | |
| **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*,* hoàn thành bài tập trong VBT, đọc và chuẩn bị bài tiết 2. | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |

**BÀI 37: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện được các phép tính với các số thập phân. Vận dụng được tính chất của các phép tính với số thập phân và quan hệ giữa các phép tính đó trong thực hành tính toán.

- Vận dụng giải quyết vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính với các số thập phân.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, Năng lực mô hình hóa, Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học. | |
| **b. Cách thức tiến hành:**  **-** GV tổ chức trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp gọn”  - GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức về số thập phân đã được học ở tiết trước.  - GV nhận xét hoạt động.  - GV giới thiệu bài. | - HS tham gia trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp gọn”  - HS lắng nghe GV nhận xét.  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:** *Thực hiện được các phép tính với các số thập phân. Vận dụng được tính chất của các phép tính với số thập phân và quan hệ giữa các phép tính đó trong thực hành tính toán.* | |
| ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  - Nêu yêu cầu bài toán.  *a) Tính rồi so sánh giá trị của (a + b) c và a c + b c:*    *b) Đọc nhận xét sau:*  *(a + b) c = a c + b c*  - GV cho HS hoàn thành bảng, đổi vở kiểm tra chéo, nói cho bạn nghe nhận xét khi quan sát giá trị của các cột.  - GV mời HS đứng tại chỗ trình bày.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  *a) Đặt tính rồi tính:*   |  |  | | --- | --- | | *35 + 25,16*  *57,84 – 9,78* | *1,6 0,23*  *76,5 : 1,8* |   *b) Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:*  *(138,4 – 83,2) : 24 + 19,22*  *6,54 + (75,4 – 29,48) : 4*  - GV cho HS thực hiện vào vở cá nhân.  - GV mời HS lên bảng trình bày bài.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - GV nhấn mạnh: *Quy tắc tính giá trị biểu thức với các số thập phân cũng giống như với các số tự nhiên.* | - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - HS đọc và nói cho bạn nghe tính chất nhân một tổng với một số.  - HS lấy ví dụ minh họa.  - Kết quả:  *a)*    *Nhận xét: (a + b) c = a c + b c*  *b) HS đọc nhận xét.*  *Ví dụ:*  (3,5 + 2,8) 1,3 = 3,5 1,3 + 2,8 1,3  - HS thực hiện vào vở cá nhân.  - HS đổi vở chỉ và nói cho bạn nghe quy tắc đã vận dụng để tính giá trị biểu thức.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a)*   |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  |   **b) (138,4 – 83,2) : 24 + 19,22**  *= 55,2 : 24 + 19,22*  *= 2,3 + 19,22*  *= 21,52*  **6,54 + (75,4 – 29,48) : 4**  *= 6,54 + 45,92 : 4*  *= 6,54 + 11,48*  *= 18,02* |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **\* Mục tiêu:** *Vận dụng giải quyết vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính với các số thập phân.* | |
| **\* Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT***  *a) Kết quả của phép tính 4 27,39 2,5*  *là:*  *27,39 B. 273,9*  *C. 2,739 D. 27,390*  *b) Chọn đáp án có phép tính sai:*  *A. 511,2 : 42,6 = 12*  *B. 194,13 : 64,71 = 3*  *C. 184,5 : 0,75 = 24,6*  *D. 114,882 : 12,3 = 9,34*  *c) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *… 0,8 = 1,2 4,5*  *A. 6,75 B. 7,65*  *C. 6,57 D. 5,4*  *d) Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:*  *19,3 + 34,7.... 34,7 + 19,3*  *A. > B. < C. = D. Khác*  *e) Trong 2 giờ xe máy đi được 67 km. Trong 5 giờ ô tô đi được 256 km. Hỏi mỗi giờ ô tô đi nhiều hơn xe máy bao nhiêu ki-lô-mét?*  *A. 17,1 km*  *B. 11,7 km*  *C. 11,1 km*  *D. 17,7 km*  - GV cho HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - GV mời một vài HS chia sẻ đáp án. Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) 4 27,39 2,5*  *= (4 2,5) 27,39*  *= 10 27,39*  *= 273,9*  *Vậy* ***chọn B.***  *b)*  ***Chọn C.***  *c) Số cần điền là:*  *1,2 4,5 : 0,8 = 6,75*  ***Chọn A.***  *d)*  ***Chọn C.***  *e) Mỗi giờ xe máy đi được là:*  *67 : 2 = 33,5 (km)*  *Mỗi giờ ô tô đi được là:*  *256 : 5 = 51,2 (km)*  *Mỗi giờ ô tô đi nhiều hơn xe máy số ki-lô-mét là: 51,2 – 33,5 = 17,7 km.*  ***Chọn D.***  - HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - HS chia sẻ đáp án, Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - HS lắng nghe. |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT6***  *Một số nghiên cứu chỉ ra rằng băng tan chảy làm mực nước biển toàn cầu tăng khoảng 0,4 cm mỗi năm.*  *(Nguồn:* [*http://vnmha.gov.vn*](http://vnmha.gov.vn)*)*  *Nếu cứ tăng như vậy, theo em sau bao nhiêu năm thì mực nước biển toàn cầu tăng lên thêm khoảng 1 m?*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - **Mở rộng:** GV khuyến khích HS tìm hiểu thêm các tình huống xung quanh bài toán đặt ra.  *+ Sau bao lâu thì mực nước biển tăng thêm 2 cm ?*  *+ Đến năm 2030 mực nước biển sẽ tăng thêm bao nhiêu?*  *+ Băng tan nhanh gây ra hiện tượng gì?* | - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Đổi: 1m = 100 cm*  *Mực nước biển toàn cầu tăng lên thêm khoảng 1m sau:*  *100 : 0,4 = 250 (năm)*  - HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - HS trình bày kết quả.  - Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - HS chia sẻ theo nhóm, chia sẻ trước lớp.  *+ 2 : 0,4 = 5 (năm)*  *+ (2030 – 2023) 0,4 = 2,8 cm*  *+ Biến động về khí hậu, mực nước biển dâng cao, tác động đến các hoạt động trên biển, ảnh hưởng đến môi trường và nguồn thức ăn của động vật,…* |
| **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong VBT.  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 38 – *Viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.*** | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát và ghi nhớ nhiệm vụ cần thực hiện. |

***TUẦN 14***

**BÀI 38: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Biết cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.
* Biết chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.
* Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức trọng tâm nói trên.
* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa; năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | |
| - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi ***Lật mảnh ghép***  **Cách chơi:** Mỗi HS có quyền chọn 1 mảnh ghép và trả lời câu hỏi dưới mảnh ghép, nếu trả lời đúng mảnh ghép sẽ được lật lên, trả lời sai bạn khác có quyền trả lời. Sau khi lật mảnh ghép cuối cùng sẽ ra tên bài học hôm nay.  MG1: Nêu các đơn vị đo độ dài và học  MG 2: Nêu các đơn vị đo khối lượng đã học?  MG 3: Nêu các đơn vị đo diện tích đã học  MG4: Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng tiếp liền ?  MG5: Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài tiếp liền ?  MG6: Cái gọt chì dài bao nhiêu cm? Quả dứa cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **Chốt: GTB:** Ta có thể dùng số thập phân để viết số đo đại lượng (độ dài, khối lượng). Bài hôm nay chúng ta học là : Viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân. | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  - HS chọn 1 mảnh ghép và trả lời câu hỏi dưới mảnh ghép, nếu trả lời đúng mảnh ghép sẽ được lật lên, trả lời sai bạn khác có quyền trả lời.  - HS trả lời : (mm, cm, dm, m, km).  - HS trả lời (g, kg, yến, tạ , tấn).  - HS trả lời (mm2, cm2, dm2, m2, ha, km2).  - HS trả lời: các đơn vị đo khối lượng đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé, đơn vị bé bằng một phần 10 đơn vị lớn hơn tiếp liền.  -HS trả lời: Chiếc gọt bút chì dài ….  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Mục tiêu:** *Nhận biết và thực hiện viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.*  **Cách tiến hành:** | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  Nhiệm vụ 1: Quan sát bức tranh (trong SGK. hoặc trên máy chiếu).  Nhiệm vụ 2: Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh.    - Để chuyển số đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét (và ngược lại) ta làm thế nào? Cho ví dụ.  - GV giúp HS nhận biết: số 10 và được coi như “thừa số đổi” (thể hiện quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét và mi-li-mét).  - HS tự lấy một vài ví dụ tương tự. | HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV:  - HS đọc lời giải thích của các bạn trong tranh:  - Thảo luận nhóm đôi  **VD:** “Chiếc lá dài bao nhiêu xăng-ti-mét?”  + Chiếc lá dài 5,3 cm.  + Quan sát hình vẽ em thấy chiếc lá dài 53 mm.  + Vậy: 5,3 cm = 53 mm.  + Bạn nữ: *Vì 1cm = 10mm nên để chuyển đổi số đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét ta nhân với 10, tức là chuyển dấu phẩy sang bên phải một chữ số:*  *5,3 cm = 53 mm.*  + Bạn nam: *Vì 1mm = cm nên để chuyển đổi số đo từ mi-li-mét sang xăng-ti-mét ta chia cho 10, tức là chuyển dấu phẩy sang bên trái một chữ số:*  *53 mm = 5,3 mm.*  - **HS nêu nhận xét:** *Để chuyển đổi số đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét (và ngược lại) ta có thể sử dụng phép nhân (chia) số đo đó với (cho) 10.*  **Ví dụ:**  5,3 cm (= 5,3 x 10) = 53 mm;  53 mm (= 53 : 10) = 5,3 cm. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** *Học sinh làm được bài tập 1, 2 và 3 để luyện tập về cách chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.*  **Cách tiến hành:** | |
| ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  - GV yêu cầu HS đọc đề, nêu yêu cầu.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài.  - GV tổ chức cho học sinh làm việc vào vở  - GV lưu ý hướng dẫn những HS còn gặp khó khăn khi thực hiện tính.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | **Bài 1. Số?**    - HS trả lời  *1km = 1 000m*  *1 m = 10 dm = 100 cm = 1 000mm*  *1 dm = 10 cm = 100 mm*  *1 cm = 10mm*  - HS thực hiện đổi các đơn vị đo độ dài, trình bày bài vào vở cá nhân.  6,8m = 68 dm (Lấy 6,8 x 10)  0,5 m = 50 cm (Lấy 0,5 x 100)  0,07 m = 70m m (ta lấy 0,07 x 1000)  132 cm (= 132 : 100) = 1,32 m.  - HS đổi vở chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  - Kết quả:  *a) 6,8m = 69 dm*  *0,5 m = 50 cm*  *0,07 m = 70 mm*  *0,23 km 230 m*  *b) 57 dm = 5,7 m*  *132 cm = 1,32 m*  *86 mm = 0,086 m*  *1 291 m = 1,291 km* |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2*** | **Bài 2. Số?** |
| - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập 2.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng | - HS nêu yêu cầu (Điền số vào ô trống)  - HS trả lời:  *1 tấn = 10 tạ = 100 yến = 1 000kg*  *1 tạ = 10 yến = 100 kg*  *1 yến = 10 kg*  *1kg = 1 000g* |
| - GV yêu cầu HS xác định các bước thực hiện. | *+ Nhận biết “thừa số đổi” (thể hiện quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng).*  *+ Thực hiện các phép tính nhân hoặc chia số đo đã cho với “thừa số đổi” là 10. 100 hoặc 1 000.* |
| - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - HS thực hiện đổi các đơn vị đo khối lượng, trình bày bài vào vở cá nhân. / 3 HS lên bảng thực hiện. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn.  - Cho HS nhận xét bài trên bảng, khuyến khích HS nói rõ cách làm. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2: Đổi chéo vở với bạn cùng bàn, kiểm tra đáp án.  - Nhận xét bài làm trên bảng. |
| - GV chữa bài, chốt đáp án.  - GV nhận xét, tổng kết.  - **Lưu ý**: *Khi viết số đo khối lượng dưới dạng số thập phân ta cần lưu ý gì?* | - Kết quả:  *a) 7,5 tấn = 75 tạ*  *0,5 tạ = 50 kg*  *0,07 tấn = 70 kg*  *b) 43 tạ = 4,3 tấn*  *152 kg = 1,52 tạ*  *2 537 kg = 2,537 tấn*  - Chú ý các bước:  *+ Thuộc mối quan hệ giữa các đơn vị đo để xác định thừa số đổi*  *+ Nhân (hoặc chia) số đo với thừa số đổi* |
| ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - GV yêu cầu HS xác định việc cần làm.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích. | **Bài 3. Số?**    - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - Xác định mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích.  - HS trả lời:  *1 m2 = 100 dm2 = 10 000 cm2*  *1 dm2 = 100 cm2 = 10 000 mm2*  *1 km2 = 100 ha = 1 000 000 m2*  *1 ha = 10 000 m2* |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 nêu cách làm (2 phút).  - GV cho HS làm vào vở - 2 HS lên bảng làm vào sách điện tử  - GV chấm, chữa nhận xét, tổng kết bài. | - HS thảo luận và trình bày.  a) 3,61 m2= 361 dm2 (Lấy 3,61 x 100)  b) 26 dm2= 0,26 m2 (Lấy 26 :100)  - HS làm, giải thích cách làm  - HS thực hiện đổi các đơn vị đo diện tích, trình bày bài vào vở cá nhân. 2 HS lên bảng làm vào sách điện tử  - Đổi chéo vở với bạn cùng bàn, kiểm tra đáp án.  - Kết quả:  *a) 3,61 m2 = 361 dm2*  *4,7 m2 = 47 000 cm2*  *0,6 km2 = 60 ha*  *b) 26 dm2 = 0,26 m2*  *45 000 m2 = 4,5 ha*  *160 ha = 1,6 km2*  - HS kiểm tra, chữa bài. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM.**  **Mục tiêu:**  - Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức trọng tâm nói trên. | |
| - GV nêu bài toán thực tế:  (1) *Mai cao 143 cm. Hỏi Mai cao bao nhiêu mét?*  (2) *Vườn nhà Lan rộng 1500m2. Hỏi vườn nhà Lan rộng bao nhiêu ha?* | - HS nêu nhanh kết quả trước lớp.  - HS nêu nhanh kết quả trước lớp. |
| \* **Củng cố, dặn dò:**  - Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dung gì?  - Về nhà các em có thể tìm thêm các bài tập tương tự làm thêm để rèn cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2. | - HS nêu  - HS nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

**BÀI 38: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Biết cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.
* Biết chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.
* Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức trọng tâm nói trên.
* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa; năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | |
| Trò chơi ***Ai nhanh Ai đúng?***  **Cách chơi:** GV chiếu câu hỏi, HS nhìn nhanh, ghi nhanh đáp án ra bảng con.  Câu 1: 2,4 km = ... m  Câu 2: 2,45 kg = ... g  Câu 3: 2,42 km2 = ... ha  Câu 4: 150 ha = ... km2  Câu 5: 6500 m2= ... ha  **- GTB:** Các em đã biết cách viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân với 1 tên đơn vị. Để viết các số đo với 2 tên đơn vị đo về số đo có 1 tên đơn vị đo và ngược lại thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay : **Viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (Tiết 2)** | - HS nhìn nhanh, ghi nhanh đáp án ra bảng con.  - HS trả lời cách viết  - HS nêu cách làm  - Nghe, ghi vở |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** *Học sinh làm được bài tập 4,5 để luyện tập về cách chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.*  **Cách tiến hành:** | |
| ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  - GV yêu cầu HS đọc đề, quan sát mẫu.  - Yêu cầu HS nêu nhiệm vụ cần thực hiện.  GV chốt : 6 tấn 234 kg = 6,234 tấn, tức là chuyên từ cách ghi số đo với 2 đơn vị đo (tấn và kg) về dạng số đo chỉ có 1 đơn vị đo (tấn). Việc chuyển đổi có thể tiến hành như sau:  6 tấn 234 kg = 6 tấn + 234 kg = 6,234 tấn.  **Chốt cách đổi**: *chuyển đơn vị bé ra đơn vị lớn rồi cộng lại.*  - GV chữa bài, chốt đáp án. | *Tìm số thích hợp vào ô ? (theo mẫu)*  ***Mẫu:***  ***Ví dụ 1:*** *6 tấn 234 kg = ? tấn*  *6 tấn 234 kg = 6 tấn + 234 kg*  *= 6 tấn + 0,234 kg*  *= 6,234 tấn*  *Vậy 6 tấn 234 kg = 6,234 tấn*  ***Ví dụ 2****: 3 m2 5 dm2 = ? m2*  *3 m3 5 dm2 = 3 m2 + 5dm2*  *= 3m2 + 0,05 m2*  *= 3,05 m2*  *Vậy 3 m2 5 dm2 = 3,05 m2.*   |  | | --- | | *5 tấn 262kg = ? tấn*  *3 tạ 52 kg = ? tạ*  *6 kg 235 g = ? kg*  *32dm214cm2 = ? dm2*  *5cm2 6mm2 = ? cm2*  *54m2 3 dm2 = ? m2* |   HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Quan sát mẫu (trong SGK. hoặc trên máy chiếu). Nói với bạn về cách làm.  - HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện theo mẫu, đổi vở chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  VD: 6 tấn 234 kg = 6 tấn + 234 kg  = 6 tấn + 0,234 tấn = 6,234 tấn  Vậy 6 tấn 234 kg = 6,234 tấn  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *5 tấn 262 kg = 5,262 tấn*  *3 tạ 52 kg = 3,52 tạ*  *6 kg 235 g = 6,235 kg*  *32 dm2 14 cm2 = 32,14 dm2*  *5 cm2 6 mm2 = 5,06 cm2*  *54 m2 3 dm2 = 54,03 m2* |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **Mục tiêu**: *Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức về chuyển đổi đơn vị đo đại lượng.*  **Cách tiến hành:** | |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT5***  *Một thanh gỗ dài 3,7m. Bác thợ mộc cắt đi 4 đoạn, trong đó 1 đoạn dài 70 cm và 3 đoạn còn lại mỗi đoạn dài 40 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu mét?*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, trao đổi cách làm và nêu các bước thực hiện.  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.  - HS trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | **Bài 5.** HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải.  - HS trao đổi, nêu các bước thực hiện:  *+ Đổi đơn vị đo về đơn vị mét.*  *+ Tính độ dài 3 đoạn dài 40 cm.*  *+ Tính độ dài đoạn đã cắt.*  *+ Tính độ dài thanh gỗ còn lại.*  - HS trình bày vào vở cá nhân.  - 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Đổi: 70 cm = 0,7 m; 40 cm = 0,4 m*  *3 đoạn dài 40 cm có độ dài là:*  *0,4 3 = 1,2 (m)*  *Độ dài 4 đoạn bác thợ cắt là:*  *0,7 + 1,2 = 1,9 (m)*  *Thanh gỗ còn lại dài là:*  *3,7 – 1,9 = 1,8 (m)*  *Đáp số: 1,8 m* |
| **\* CỦNG CỐ**  *- Qua bài học ngày hôm nay, các em biết thêm được điều gì?*  *- Khi viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, cần lưu ý những gì?*  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.* Hoàn thành bài tập trong VBT.  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 39 – *Luyện tập chung.*** | - HS trình bày  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 39: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Củng cố các kỹ năng chia số thập phân cho số tự nhiên, chia số thập phân cho số thập phân, trừ số thập phân cho số tự nhiên.
* Phát triển các NL toán học như: Tư duy toán học và giao tiếp để giải quyết các phép toán và trình bày ý tưởng, mô hình hóa toán học để giải quyết các bài toán gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Hỏi nhanh – Đáp gọn***” ôn tập lại các phép chia số thập phân đã học.  ***+******GV:*** *“Kết quả của phép tính 129,49 : 2,3 bằng bao nhiêu?”*  ***+ GV:*** *“Kết quả của phép tính 2 : 0,5 bằng bao nhiêu?”*  *....*  *- Nêu cách chia số thập phân cho số tự nhiên?*  *- Nêu cách chia số thập phân cho số thập phân?*  - GV viết phép tính và yêu cầu HS thực hiện  17,2 : 5=?  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - GV nhận xét, hướng dẫn lại cách tính.  - Và đây cũng chính là mẫu thực hiện tính của bài tập 1.  **GV giới thiệu bài**: *“Sau đây, chúng ta sẽ ôn tập và củng cố các bài toán liên quan đến phép chia số thập phân thông qua bài “****Bài 39: Luyện tập chung****”.* | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  ***+ HS:*** *“56,3”*  ***+ HS:*** *“4”*  *....*  - HS trả lời.  - HS khác nhận xét.  - HS thực hiện vào vở nháp.  - Đổi chéo bài để kiểm tra cho bạn.  - 1 HS nêu cách tính.  - HS lắng nghe.  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (25’)**  **Mục tiêu:** *Học sinh làm được bài tập 1, 2 và 3 để luyện tập về cách chia số thập phân cho một số.*  **Cách tiến hành:** | | |
| ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  - GV hướng dẫn HS thực hiện từng bước chia nhẩm và viết gọn các bước chia.  - GV tổ chức cho học sinh làm việc trên phiếu học tập.  - GV lưu ý hướng dẫn những HS còn gặp khó khăn khi thực hiện tính. | **Bài 1. Tính (theo mẫu)**     |  |  | | --- | --- | | *a) 5,28 : 12*  *b) 0,36 : 9* | *c) 8,5 : 2,5*  *d) 4,25 : 0,17* |   - HS quan sát mẫu, nói cho các bạn nghe các bước thực hiện.  - HS nhận phiếu, soát nội dung phiếu.  - Thực hiện các phép tính của bài 1. HS vận dụng cách chia thu gọn, thực hiện các phép tính còn lại.  - 2 HS làm trên bảng phụ. | |
| - Gọi HS trình bày bài. | - 2 HS nêu cách làm phần a và c | |
|  | - HS nhận xét; cả lớp lắng nghe.  - HS đổi phiếu kiểm tra bài bạn. | |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe.  - Kết quả:   |  |  | | --- | --- | | *a)* | *b)* | | *c)* | *d)* | | |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2*** | **Bài 2. Đặt tính rồi tính**  *Đặt tính rồi tính:*   |  |  | | --- | --- | | *10,8 : 9*  *5,6 : 0,7*  *8,16 : 2,4* | *4,8 : 0,08*  *3,24 : 18*  *31,2 : 13* | | |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2. | - HS đọc yêu cầu bài tập 2. | |
| - GV yêu cầu HS xác định các bước thực hiện. | - Đặt tính, tính | |
| - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - Khuyến khích HS làm nhanh thử lại các phép tính. | - HS bài cá nhân vào vở.  - 3 HS lên bảng thực hiện. | |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn.  *+ Bạn đã đặt tính thế nào?*  *+ Hãy nói cách bạn thực hiện tính.*  - GV gọi HS nhận xét bài trên bảng. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2:  *+ Bạn đã đặt tính thế nào?*  *+ Hãy nói cách bạn thực hiện tính.*  - Nhận xét bài làm trên bảng. | |
| - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - Gv nhận xét, tổng kết.  - Lưu ý: *Khi chia số thập phân cho số thập phân cần lưu ý điều gì?* | - Kết quả:   |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |  |  |   - Chú ý các bước:  *+ Đếm số chữ số phần thập phân của số chia để chuyển dấu phẩy ở số bị chia cho tương ứng.*  *+ Bỏ dấu phẩy ở số chia.* | |
| ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3*** | **Bài 3. Số?**   |  |  | | --- | --- | |  | *Hộp màu xanh cân nặng ? kg* | |  | *Mỗi hộp vải thiều cân nặng ? kg* | | |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3. | - HS đọc yêu cầu bài tập 3. | |
| - GV yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Xác định số cân nặng của hộp màu xanh và mỗi hộp vải thiều. | |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2, quan sát tranh và nói cho nhau nghe:  *a) Cân nặng của hai hộp là bao nhiêu?*  *+ Cân nặng của hộp màu vàng là bao nhiêu?*  *+ Muốn tính cân nặng của hộp màu xanh ta thực hiện phép tính gì?*  *b) + Cân nặng của 3 hộp vải thiều là bao nhiêu?*  *+ Muốn tính cân nặng của mỗi hộp vải thiều ta thực hiện phép tính gì?*  - Em áp dụng cách làm nào để giải bài toán?  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - GV nhận xét, tổng kết bài:  - Nêu lại cách tìm số hạng chưa biết?  - Nêu cách tìm TBC của nhiều số?  - Khi trừ số thập phân cho số tự nhiên cần lưu ý điều gì?  - Mở rộng: *GV cho HS chia sẻ thêm các tình huống vận dụng tương tự đã gặp trong cuộc sống.* | - HS thảo luận và trình bày.  *+ Cân nặng của hai hộp là 3,25 kg*  *+ Cân nặng của hộp màu vàng là 2 kg*  *+ Cân nặng của hộp màu xanh là:*  *3,25 – 2 = 1,25 (kg)*  *+ Cân nặng của 3 hộp vải thiều là 12,6 kg*  *+ Mỗi hộp vải thiều cân nặng là:*  *12,6 : 3 = 4,2 (kg)*  - Tìm số hạng chưa biết và trung bình cộng của ba số.  - Kết quả:  *a) Chiếc hộp màu xanh cân nặng 1,25 kg.*  *b) Mỗi hộp vải thiều cân nặng 4,2 kg.*  - 2 HS nêu.  - Đặt số tự nhiên thẳng hàng với phần nguyên của số thập phân. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **Mục tiêu:**  *- Phát triển các NL toán học như: Tư duy toán học và giao tiếp để giải quyết các phép toán và trình bày ý tưởng, mô hình hóa toán học để giải quyết các bài toán gắn với thực tế.*  **Cách tiến hành:** | | |
| - GV nêu bài toán thực tế: *Mẹ Lan làm được 37,5 kg bột sắn dây. Mẹ đựng số bột đó vào 5 túi như nhau. Tính số ki-lô-gam bột trong mỗi túi.* | - HS trao đổi nhóm 2 về kết quả và cách tính. (37,5 : 5 = 7,5 kg)  🡪 Xung phong chia sẻ kết quả trước lớp. | |
| \* **Củng cố, dặn dò:**  - *Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dung gì?*  - *Về nhà các em có thể tìm thêm các bài tập tương tự làm thêm để rèn cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2.* | - *Chia số thập phân cho số tự nhiên, chia số thập phân cho số thập phân, trừ số thập phân cho số tự nhiên.*  - HS nghe để thực hiện. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 39: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Củng cố các kỹ năng chia số thập phân cho số tự nhiên, chia số thập phân cho số thập phân, trừ số thập phân cho số tự nhiên.
* Phát triển các NL toán học như: Tư duy toán học và giao tiếp để giải quyết các phép toán và trình bày ý tưởng, mô hình hóa toán học để giải quyết các bài toán gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | |
| **Bài 4a trang 95**  - GV tổ chức trò chơi: **Ai nhanh, ai đúng?**  - Cách chơi: GV có 4 tấm thẻ ghi 4 phép tính bài 4a, học sinh dưới lớp ghi nhanh các phép tính có kết quả bằng 4 vào bảng con. HS nào có ghi nhanh và đúng nhất sẽ là người thắng cuộc.  - Tổ chức chơi.  - GV nhận xét, chốt đáp án và người thắng cuộc.  - Làm thế nào để em có thể nhẩm nhanh kết quả các phép tính?  - GV nhận xét và hướng dẫn cách chia nhẩm. | - Lắng nghe luật chơi.  - HS ghi nhanh các phép tính có kết quả bằng 4 vào bảng con. HS nào có ghi nhanh và đúng nhất sẽ là người thắng cuộc.  - HS cả lớp chơi bằng cách ghi đáp án đúng vào bảng con.  - Nhân cả số bị chia và số chia với 10, 100 hoặc 1000 để được phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (tiếp theo) (20 phút)**  **Mục tiêu:**  *Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng chia số thập phân và giải toán liên quan (bài 4b, 5, 6)*  **Cách tiến hành:** | |
| **Bài 4b.** |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4b trang 95. | - HS đọc yêu cầu bài tập 4. |
| - Gv tổ chức trò chơi **Tiếp sức đồng đội.** | - HS tham gia trò chơi **Tiếp sức đồng đội.** |
| - **Cách chơi**: GV ghi bảng 6 phép tính và tổ chức cho 2 nhóm, mỗi nhóm 6 bạn tham gia. Hai đội xếp thành hàng, sau khi GV hô Bắt đầu, bạn đầu hàng sẽ ghi nhanh kết quả 1 phép tính bài 4b. Cứ lần lượt như thế đến hết 6 bạn. Đội nào hoàn thành nhanh nhất và đúng nhiều phép tính nhất sẽ là đội thắng cuộc.  - GV tổng hợp quả, tuyên bố đội thắng.  - Gọi HS nêu lại cách nhẩm nhanh kết quả phép tính chia với số thập phân.  - Yêu cầu HS đọc và xác định các yêu cầu của bài 4c.  32,2 : 0,7 = 3,22: 7 ; 1,69 : 0,13 = 16,9 : 13  - GV nhận xét, đánh giá. | - HS chơi theo nhóm 6, tổ chức chia nhóm, chọn cử nhóm trưởng, mỗi nhóm 6 bạn tham gia. Mỗi lượt 2 nhóm lên thi đấu.  - Hai đội xếp thành hàng, sau khi GV hô Bắt đầu, bạn đầu hàng sẽ ghi nhanh kết quả 1 phép tính bài 4b. Cứ lần lượt như thế đến hết 6 bạn. Đội nào hoàn thành nhanh nhất và đúng nhiều phép tính nhất sẽ là đội thắng cuộc.  - HS dưới lớp theo dõi và nhận xét bằng cách thử lại phép tính.  -1 HS nêu lại.  -Tìm lỗi sai và sửa lại  - Kết quả:  *a) 2,8 : 0,7 = 28 : 7 = 4*  *0,28 : 7 = 0,04*  *2,8 : 0,07 = 280 : 7 = 40*  *0,28 : 0,07 = 28 : 7 = 4*  *Vậy có 2 tấm thẻ phép chia có thương là 4.*  *b) 6,3 : 3 = 2,1*  *Thử lại 2,1 3 = 6,3*  *11 : 2 = 5,5*  *Thử lại 5,5 2 = 11*  *0,35 : 0,07 = 5*  *Thử lại 5 0,07 = 0,35*  *4,8 : 0,8 = 6*  *Thử lại 6 0,8 = 4,8*  *0,24 : 0,12 = 2*  *Thử lại 2 0,12 = 0,24*  *0,33 : 0,3 = 1,1*  *Thử lại 1,1 0,3 = 0,33*  *c) 32,2 : 0,7 = 3,22 : 7 sai do dịch chuyển dấu phẩy chưa đúng.*  *Sửa lại: 32,2 : 0,7 = 322 : 7*  *1,69 : 0,13 = 16,9 : 13 sai do dịch chuyển dấu phẩy chưa đúng.*  *Sửa lại: 1,69 : 0,13 = 169 : 13*  - Nhóm khác nhận xét. |
| ***Nhiệm vụ : Hoàn thành BT5*** | **Bài 5.**  *Mỗi bước chân của chị Ngọc dài khoảng 0,45 m. Hỏi để đi được 54 m chị Ngọc cần bước khoảng bao nhiêu bước chân?* |
| -GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 5.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV gợi ý để HS nhận biết:  *Quãng đường đi được = độ dài bước chân số bước chân.*  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | -HS đọc yêu cầu bài tập 5.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Để đi được 54 m chị Ngọc cần bước khoảng:*  *54 : 0,45 = 120 (bước)*  *Đáp số: 120 bước chân* |
| - Tổ chức cho HS nhận xét bài trên bảng.  - Khuyến khích HS nêu câu trả lời khác. | - HS chia sẻ bài làm với bạn cùng bàn. HS nhận xét, bổ sung bài cho bạn.  - HS có nhiều cách trả lời khác nhau. |
| - Để chia số thập phân cho số thập phân em làm thế nào?  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý học sinh cách trình bày bài giải khoa học. | - HS trả lời. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn. |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT6***  **Bài 6.** Tổ chức dưới hình thức*Trò chơi: Kết bạn*  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 6.  - GV thành lập các nhóm đôi, yêu cầu học sinh hỏi đáp, chia sẻ về yêu cầu và cách làm bài với 1 bạn trong nhóm. Sau đó hai bạn trong nhóm kết nhóm đôi với 1 bạn của nhóm khác để chia sẻ cách làm của mình. Cứ như vậy cho đến khi có hiệu lệnh dừng của GV.  - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét hoạt động.  - Khuyến khích HS trình bày bày theo cách khác nhau. | - HS đọc yêu cầu bài tập 6:  *Nhà bác Vinh thu hoạch được 350 bông hoa hướng dương, mỗi bông có khoảng 0,25 kg hạt. Biết rằng 1 kg hạt hướng dương có thể ép được khoảng 0,25 l dầu hướng dương. Hỏi nhà bác Vinh thu hoạch được khoảng bao nhiêu lít dầu hướng dương?*  - HS thực hiện theo nhóm đôi: học sinh hỏi đáp, chia sẻ về yêu cầu và cách làm bài với 1 bạn trong nhóm. Sau đó hai bạn trong nhóm kết nhóm đôi với 1 bạn của nhóm khác để chia sẻ cách làm của mình. Cứ như vậy cho đến khi có hiệu lệnh dừng của GV.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - HS làm bài. 1 HS làm trên bảng lớp.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Nhà bác Vinh thu hoạch được số ki-lô-gam hạt hướng dương là:*  *0,25 350 = 87,5 (kg)*  *Nhà bác Vinh thu hoạch được số lít dầu hướng dương là:*  *0,25 87,5 = 21,875 (l)*  *Đáp số: 21,875 l dầu hướng dương.* |
| - GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động.  - Hạt hướng dương có tác dụng gì?  - **GV bổ sung*:*** *Hạt hướng dương chứa nhiều dinh dưỡng tốt cho hệ tiêu hóa, phòng bệnh tim mạch... và được dùng để ép lấy dầu làm dầu ăn.* | -Nhận xét, bổ sung.  -HS nêu ý kiến.  -HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (10 phút)**  **Mục tiêu:** *Củng cố và hoàn thiện kĩ năng chia số thập phân.*  **Cách tiến hành:** | |
| -Tổ chức trò chơi: **Rung chuông vàng.**  GV nêu 1 phép tính bất kì, HS ghi nhanh kết quả vào bảng con. Sau khi có hiệu lệnh giơ bảng, HS nào có kết quả sai hoặc chưa hoàn thành sẽ bị loại. HS còn lại sẽ tiếp tục trò chơi. HS nào còn lại sau cùng sẽ là người thắng cuộc. | - HS sử dụng bảng con tham gia trò chơi: GV nêu 1 phép tính bất kì, HS ghi nhanh kết quả vào bảng con. Sau khi có hiệu lệnh giơ bảng, HS nào có kết quả sai hoặc chưa hoàn thành sẽ bị loại. HS còn lại sẽ tiếp tục trò chơi. HS nào còn lại sau cùng sẽ là người thắng cuộc. |
| - GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động. |  |
| **Củng cố, dặn dò** |  |
| **\* CỦNG CỐ** |  |
| - *Qua tiết học hôm nay, em đã ôn tập những kiến thức gì?* | - Ôn tập phép nhân, chia và chia nhẩm số thập phân. |
| - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong VBT.  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 40 – *Tỉ số phần trăm*.** | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

**BÀI 40: TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Hiểu được ý nghĩa của tỉ số phần trăm. Biết viết tỉ số phần trăm
* Rèn HS cách đọc, viết tỉ số phần trăm và giải bài toán có liên quan. HS trải nghiệm thực hành tính tỉ số phần trăm giữa HS nữ (12 em) với HS cả lớp 5B (28 em). HS làm bài tập 1, 2
* Phát triển các NL toán học như: Sử dụng trò chơi học toán để giúp học sinh thực hành các kỹ năng toán học một cách thú vị và hiệu quả; học sinh giải quyết các bài toán về biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số và biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh để mở đầu tiết học. | |
| - Thông qua trò chơi phỏng vấn giúp học sinh hiểu được khái niệm về tỉ số.  - GV đưa hình vẽ: 1 hình vuông được chia thành 100 ô vuông bằng nhau. Tô màu 25 ô vuông  - Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là bao nhiêu?  - Giáo viên tổ chức cho học sinh báo cáo bằng trò chơi: Phỏng vấn  - GV quan sát giúp đỡ HS  *Chốt: HS hiểu khái niệm về tỉ số* | - HS xem tranh và mô tả hình vẽ:  Hình vuông được chia thành 100 ô vuông bằng nhau. Có 25 ô vuông đã được tô màu  - HS thảo luận nhóm 2:  + HS1: Hình vuông được chia thành 100 ô vuông bằng nhau. Có 25 ô vuông đã được tô màu *Ta nói:* Sô ô vuông đã được tô màu chiếm hai mươi lăm phần trăm.  + HS2: số ô vuông đã được tô màu so với tổng số ô vuông là 25 so với 100 *Nghĩa là:* Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là 25 : 100 hoặc  - HS tham gia trò chơi |
| B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC  **Mục tiêu:***- Hiểu được ý nghĩa của tỉ số phần trăm. Biết viết tỉ số phần trăm*  **Cách tiến hành:** | |
| GV giới thiệu tỉ số phẩn trăm:  - Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là 25 : 100 hoặc  - Nói: Hai mươi lăm phần trăm hình vuông đã được tô màu.  - Ta viết = 25%; 25% là tỉ số phần trăm, được đọc là: Hai mươi lăm phần trăm.  - Cho HS tập viết kí hiệu phần trăm (%)  Viết số 25 kèm theo kí hiệu %,  - GV: Ta nói: 25% còn được gọi là tỉ số phân trăm của phần hình vuông đã được tô màu so với toàn thể hình vuông đó.  - Yêu cầu HS lấy ví dụ khác về tỉ số phần trăm | - HS nghe  - HS thực hành viết vào vở nháp  - HS lấy ví dụ và viết vào bảng con |
| - GV quan sát nhận xét, tổng kết hoạt động. | -HS nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\*Mục tiêu*:***  *Học sinh làm được bài tập 1 và 2 để Luyện tập cách đọc, viết và củng cố ý nghĩa của các tỉ số phần trăm.*  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1.  - GV đưa mẫu yêu cầu HS quan sát mẫu, đọc tỉ số phần trăm, viết số kèm theo ki hiệu %.  *Ví dụ:* Đọc “Hai trăm ba mươi hai phần trăm”, viết số 232 kèm theo kí hiệu %, ta có 232%.  - Khi viết tỉ số phần trăm ta viết như thế nào?  *Chốt cách viết tỉ số phần trăm*  Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài  - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - HS nghe hướng dẫn  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, tự lấy ví dụ về tỉ số phần trăm, đọc và viết ra bảng con.  - Các nhóm báo cáo  Khi viết tỉ số phần trăm ta viết số kèm theo kí hiệu phần trăm  - HS đọc yêu cầu |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2. |
| - GV tổ chức trò chơi ***Đố bạn*** để HS chia sẻ bài làm trước lớp. | - HS cả lớp tham gia trò chơi. |
| +Quản trò: Đố bạn đố bạn. | +Cả lớp: Đố gì đố gì? |
| + Quản trò: Đố bạn: “Tỉ số phần trăm của số ô vuông màu xanh và tổng số ô vuông là bao nhiêu phần trăm?  - 1% nghĩa là gì?” | +1HS đọc số, cả lớp nghe, nhận xét  - Là 1%  - Nghĩa là: Số ô vuông màu xanh so với tổng số ô vuông là 1: 100 hay 1%. |
| + Quản trò: Đố bạn, đố bạn. | +Cả lớp: Đố gì đố gì? |
| + Quản trò: Đố bạn: “Số ô vuông màu đỏ chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số ô vuông    11% nghĩa là gì?” | + 1HS nêu, cả lớp nghe, nhận xét  *- 11%*  *- Nghĩa là:* có tổng cộng 100 ô vuông thì số ô vuông màu đỏ chiếm 11 ô. |
| + Quản trò: Đố bạn đố bạn. | +Cả lớp: Đố gì đố gì? |
| + Quản trò: Đố bạn: “Tỉ số phần trăm của số ô vuông màu vàng và tổng số ô vuông là bao nhiêu phần trăm?  - 8% nghĩa là gì?”  + Quản trò: Đố bạn “ Có bao nhiêu ô vuông không được tô màu? Tại sao bạn biết?  +Quản trò: Đố bạn. Tỉ số phần trăm của số ô vuông không được tô màu và tổng số ô vuông là Bao nhiêu phầm trăm?  - 80% nghĩa là gì?  *Nghĩa là:* số ô vuông không được tô màu so với tổng số ô vuông là 80 : 100 hay 80%. | +1HS lên bảng viết, cả lớp quan sát, nhận xét  *- Là 8%*  *- Nghĩa là:* Số ô vuông màu vàng so với tổng số ô vuông là 8 : 100 hay 8%  - Có 80 ô vuông vì có tất cả 100 ô vuông. Số ô vuông không được tô màu là 100-1-11-8 = 80 ô vuông  *- 80%*  *Nghĩa là:* số ô vuông không được tô màu so với tổng số ô vuông là 80 : 100 hay 80% |
| - GV nhận xét, tổng kết bằng cách hỏi để HS trả lời  - Vậy muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào?  - Cho HS trải nghiệm thực hành tính tỉ số phần trăm giữa HS nữ (17 em) với HS cả lớp 5B (34 em)  *- Chốt: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta lập tỉ số giữa hai số rồi viết tỉ số vừa lập thành tỉ số phần trăm.* | - HS tính |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG. TRẢI NGHIỆM**  **\* Mục tiêu:** *Phát triển các NL toán học như: Sử dụng trò chơi học toán để giúp học sinh thực hành các kỹ năng toán học một cách thú vị và hiệu quả; học sinh giải quyết các bài toán về biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số và biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm*  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Tiết học vừa rồi chúng ta đã học những nội dung gì?  - Nêu cách viết tỉ số phần trăm?  Cho HS vận dụng kiến thức làm bài sau: *Một trang trại có 700 con gà , trong đó có 329 con gà trống. Vậy tỉ số phần trăm của số gà trống và tổng số gà là bao nhiêu ?*  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị tiết 2 của bài: Tỉ số phần trăm  - Về nhà các em có thể tìm thêm các ví dụ tương tự về tỉ số phần trăm để rèn cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2 | + Hiểu được ý nghĩa của tỉ số phần trăm. Biết viết tỉ số phần trăm  -HS nghe để thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………